TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **23**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nhâm Đức Hùng** và ông **Hà Ứng Cương**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:* Ông **Lâm Sển -** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Bích**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Bích có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Trần Thiện Trí**, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố Minh Long, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Trí vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/08/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Bích trình bày: Vào năm 2000 chị Thị Bích và anh Trần Thiện Trí chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình

chung sống, những năm đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm từ đó dẫn đến tình cảm gia đình rạn nứt, không còn hạnh phúc và vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Mai, sinh ngày 09/09/2001 và Trần Thị Ngọc Tươi, sinh ngày 09/08/2003, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tạo lập một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bích xác nhận vợ chồng chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Thị Bích yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Thiện Trí.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Mai, sinh ngày 09/09/2001 và Trần Thị Ngọc Tươi, sinh ngày 09/08/2003 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thiện Trí đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trí đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị Bích vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trí. Anh Trí vắng mặt lần 2 không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Bích và anh Trần Thiện Trí.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét;

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thị Bích khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Trần Thiện Trí có hộ khẩu thường trú khu phố Minh Long, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Trí đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Trí vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trí là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bích và anh Trí chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp* lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và c*hồng..."

Do đó không công nhận chị Thị Bích và anh Trần Thiện Trí là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bích xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Mai, sinh ngày 09/09/2001 và Trần Thị Ngọc Tươi, sinh ngày 09/08/2003, hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trí đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Trí vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Bích và anh Trí được.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bích xác nhận vợ chồng chị có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Chị Bích cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thị Bích là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Bích về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn anh Trần Thiện Trí.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Bích và anh Trần Thiện Trí.

2. Về con chung: Chị Thị Bích xác nhận các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Bích xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thị Bích xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Thị Bích phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Thị Bích được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005275 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị Bích không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị Bích có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trí có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách